

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN^{1,*}, NGUYỄN BÁ PHU^{2,**}

¹Trường Mầm non Hoa Anh Đào, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

¹Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*Email: bichlienhad.84@gmail.com

**Email: nguyenbaphu@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Để việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ (KNTBV) cho trẻ đạt hiệu quả tốt thì một trong những yếu tố quyết định là quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Do đó, một trong những nhiệm vụ cấp thiết là cần phải nghiên cứu các biện pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động này, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chung của nhà trường, ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo. Bài viết này trình bày thực trạng công tác thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ ở các trường mầm non (MN) Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Kết quả cho thấy, công tác giáo dục KNTBV cho trẻ đã được thực hiện và đạt được những kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn tồn tại không ít những hạn chế, bất cập. Các trường mầm non trên địa bàn đã có nhiều biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này nhưng hiệu quả chưa đạt được như mong muốn.

Từ khoá: Koạt động giáo dục, quản lý hoạt động giáo dục, kỹ năng tự bảo vệ; trẻ mầm non.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều 23 (Luật giáo dục, 2019) xác định mục tiêu của Giáo dục Mầm non (GDMN) là giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học tập ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời [3]. Trong mục tiêu chung của ngành, rèn luyện kỹ năng sống, đặc biệt là KNTBV cho trẻ là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, vì nó ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách sau này của trẻ [1].

Nhưng thực tế hiện nay tình trạng trẻ em thụ động, không biết ứng phó trong những hoàn cảnh nguy cấp, không biết cách bảo vệ bản thân trước các tình huống nguy hiểm, không biết tìm kiếm sự giúp đỡ... Mặt khác, trẻ luôn hiếu kỳ, tò mò và luôn muốn khám phá những điều mới lạ nhưng lại chưa có kỹ năng để thu thập thông tin, phán đoán nên có nhiều mối nguy hiểm có thể xảy ra với bản thân. Điều đó có thể để lại những hậu quả thật thương tâm và đáng tiếc ngày càng nhiều trong xã hội. Thực tế này khiến cho xã hội, các nhà tâm lý giáo dục, đặc biệt là bậc học GDMN phải suy nghĩ. Chính vì vậy, ngay từ giai đoạn MN, trẻ cần được trang bị KNTBV

để định hướng phát triển cá nhân một cách tốt nhất. Rèn luyện KNTBV sẽ giúp trẻ nhanh chóng hoà nhập và khẳng định vị trí của mình trong tập thể, mà xa hơn là một cộng đồng, xã hội. Trẻ có kỹ năng bảo vệ bản thân sẽ biết cách làm thế nào để tránh xa những mối nguy hiểm hoặc khám phá thế giới trong phạm vi an toàn. Giáo dục để hình thành kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ đã trở thành một nhiệm vụ không thể thiếu được trong trường MN [2].

Thống kê gần đây nhất trong bản báo cáo tổng hợp về phòng chống tai nạn thương tích trẻ em Việt Nam của Quỹ nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) cho thấy: bỏng, ngã, ngộ độc, động vật cắn, tai nạn giao thông, ngạt, đuối nước, điện giật... là những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong cho trung bình 8.000 trẻ em Việt Nam mỗi năm [4]. Điều này càng làm minh chứng rõ rệt về sự cấp thiết cần trang bị cho trẻ các kỹ năng cần thiết để ứng phó, xử lý các tình huống nguy hiểm gặp phải cũng như bảo vệ chính bản thân mình.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành khảo sát trên 12 cán bộ quản lý (CBQL) và 163 giáo viên (GV) tại 7 trường MN công lập thuộc địa bàn Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: MN Sao Việt; MN Ánh Dương; MN Phường 3; MN Châu Thành; MN Hương Sen; MN Hoa Anh Đào và MG Phường 8.

Để khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra là chủ yếu, bên cạnh đó, các phương pháp hỗ trợ được sử dụng như quan sát, phỏng vấn sâu. Phiếu sau khi thu thập sẽ tiến hành soát phiếu, sau đó tiến hành nhập dữ liệu trên phần mềm xử lý số liệu SPSS phiên bản 20.0, kiểm tra missing, độ tin cậy (trong nghiên cứu này, chỉ số Cronbach's Alpha của thang đo là 0.850) và tiến hành chạy dữ liệu theo định dạng thống kê mô tả. Các thông số thống kê cơ bản được sử dụng trong đánh giá thực trạng của vấn đề nghiên cứu là: Số lượng, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Thang đo mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của các nội dung quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ được xây dựng với 4 mức độ (mức độ thực hiện từ không thực hiện đến thường xuyên; mức độ hiệu quả từ không hiệu quả đến hiệu quả. Điểm trung bình thống kê được càng cao mức độ thực hiện càng nhiều và mức độ hiệu quả càng cao.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý mục tiêu giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non

Giáo dục KNTBV cho trẻ MN là việc rất quan trọng. Chính vì vậy, các trường MN cần phải quản lý nghiêm túc, có tính hệ thống để xác định đúng và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của giáo dục KNTBV cho trẻ trong nhà trường. Thống kê kết quả khảo sát thể hiện qua bảng số liệu 1, có thể thấy việc quản lý các mục tiêu giáo dục KNTBV cho trẻ đã được các trường MN trên địa bàn Thành phố Vũng Tàu thực hiện chưa thường xuyên và hiệu quả đạt được chưa cao (ĐTB đánh giá của CBQL, GV ở 2 khía cạnh này lần lượt là 2.22 và 2.35).

Trong các nội dung quản lý mục tiêu giáo dục KNTBV cho trẻ, nhà trường đã thực hiện nhiều hơn cả việc “Xây dựng kế hoạch triển khai mục tiêu của hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ MN tới toàn thể GV, nhân viên của nhà trường” (ĐTB = 2.38) và công tác “Tổ chức, triển khai quán triệt mục tiêu của hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ MN tới toàn thể GV, nhân viên của nhà trường” (ĐTB = 2.32).

Công tác “KT - ĐG việc thực hiện mục tiêu của hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ”; “Giáo dục động cơ, thái độ học tập và rèn luyện KNTBV đúng đắn cho trẻ” cũng được thực hiện tuy nhiên chưa nhiều (ĐTB = 2.19 và 2.21).

Bảng 1. *Quản lý mục tiêu giáo dục KNTBV cho trẻ MN*

TT	Quản lý mục tiêu giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch triển khai mục tiêu hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ MN tới toàn thể GV, nhân viên của nhà trường.	2.38	0.62	2.41	0.54
2	Tổ chức, triển khai quán triệt mục tiêu của hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ MN tới toàn thể GV, nhân viên của nhà trường.	2.32	0.63	2.39	0.54
3	Giáo dục động cơ, thái độ học tập và rèn luyện KNTBV đúng đắn cho trẻ.	2.21	0.74	2.40	0.61
4	KT - ĐG việc thực hiện mục tiêu của hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.19	0.67	2.29	0.63
5	Chỉ đạo điều chỉnh hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ theo mục tiêu đề ra.	1.98	0.70	2.26	0.72
Chung		2.22	0.67	2.35	0.61

Chú thích: **ĐTB**: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; **ĐLC**: Độ lệch chuẩn; KT-ĐT: Kiểm tra – đánh giá

Việc chỉ đạo, điều hành hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ theo mục tiêu đề ra được đánh giá mức độ thực hiện thấp nhất (ĐTB = 1.98). Điều đó cho thấy, công tác chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch hoạt động chưa thật sự linh hoạt hoặc chưa thật sự sát sao.

Xét về mức độ hiệu quả, nhìn chung kết quả đạt được của nội dung quản lý mục tiêu hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ đạt ở mức độ trung bình (ĐTB = 2.35). Trong đó, 3 nội dung có kết quả nhỉnh hơn với ĐTB chênh lệch không nhiều, đó là “Xây dựng kế hoạch triển khai mục tiêu hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ MN tới toàn thể GV, nhân viên của nhà trường” (ĐTB = 2.41); “Giáo dục động cơ, thái độ học tập và rèn luyện KNTBV đúng đắn cho trẻ” (ĐTB = 2.40) và “KT - ĐG việc thực hiện mục tiêu của hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” (ĐTB = 2.39). Kết quả này khẳng định, chủ thể quản lý các trường được nghiên cứu đã thực hiện khá hiệu quả khía cạnh này trong quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Đây cũng là cơ sở và điều kiện quan trọng để thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng này cho trẻ trong trường mầm non.

3.2. Thực trạng quản lý chương trình, nội dung giáo dục KNTBV cho trẻ

Quản lý chương trình, nội dung giáo dục KNTBV cho trẻ MN là người CBQL nhà trường thực hiện những chức năng quản lý để tổ chức giáo dục KNTBV cho trẻ. Là những hoạt động có ý thức, có kế hoạch và hướng đích của chủ thể quản lý tác động tới các hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ trong nhà trường nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục KNTBV cho trẻ theo hướng đã đặt ra.

Kết quả khảo sát cho thấy, công tác quản lý chương trình, nội dung giáo dục KNTBV cho trẻ MN đã được CBQL, GV thực hiện nhưng chỉ đạt được mức độ ít khi (ĐTB = 2.19), trong khi đó hiệu quả đạt được của nội dung quản lý này lại khá khả quan (ĐTB = 2.46). Điều này chứng tỏ hiệu quả của công tác quản lý chương trình, nội dung giáo dục KNTBV cho trẻ ở các trường MN trên địa bàn khảo sát. Do vậy, CBQL nhà trường cần tăng cường hơn nữa việc quản lý nội dung này trong quản lý hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.

Bảng 2. *Quản lý chương trình, nội dung giáo dục KNTBV cho trẻ*

TT	Quản lý chương trình, nội dung giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng các nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.41	0.63	2.61	0.42
2	Rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.15	0.67	2.53	0.67
3	Định kỳ so sánh, đối chiếu nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ với mục tiêu đề ra.	2.08	0.73	2.41	0.61
4	Xây dựng kế hoạch phát triển nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.32	0.81	2.30	0.74
5	Tổ chức triển khai nội dung chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ để đáp ứng mục tiêu.	2.28	0.54	2.48	0.74
6	Định kỳ KT - ĐG về việc thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ.	1.89	0.63	2.44	0.80
Chung		2.19	0.68	2.46	0.71

Chú thích: **ĐTB**: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; **ĐLC**: Độ lệch chuẩn

Trong đó các tiêu chí được khảo sát, “Xây dựng các nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ” là nội dung được thực hiện nhiều nhất, nhưng vẫn thuộc mức bình thường (ĐTB=2.41). Tiếp đến là “Xây dựng kế hoạch phát triển nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ” (ĐTB = 2.32).

“Định kỳ KT - ĐG về việc thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ” là nội dung ít được thực hiện nhất (ĐTB = 1.89). Như vậy, để thực hiện tốt quản lý chương trình, nội dung KNTBV cho trẻ ở các trường MN Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì CBQL nhà trường cần có biện pháp để thực hiện thường xuyên hơn những nội dung này.

Kết quả nghiên cứu từ phương pháp phỏng vấn sâu cũng cho thấy kết quả tương đồng với kết quả nghiên cứu định lượng đã phân tích ở trên. Đa số CBQL, GV cho rằng chương trình, nội dung giáo dục KNTBV cho trẻ MN chưa thật sự thường xuyên xây dựng mới cho phù hợp với đặc điểm của trẻ và nhà trường. Đại diện cho số ý kiến đó, cô giáo T.T.T.H, CBQL trường MN Ánh Dương cho biết: “Việc xây dựng các nội dung, chương trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ít khi thực hiện, mà cũng rất khó để thực hiện. Bởi vì, việc thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNTBV phải thực hiện theo quy định”. Cô L.T.H, GV trường MN Phường 3 chia sẻ: “Hiện nay các trường thật sự chưa quan tâm đúng mức tới việc kiểm tra, đánh giá định kỳ về việc thực hiện nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ. Mặc dù biết rằng, đây là nhiệm vụ quan trọng. Thực hiện tốt sẽ có cơ sở điều chỉnh toàn bộ các nội dung của hoạt động này hiệu quả tốt hơn”.

Kết quả nghiên cứu về mức độ hiệu quả khi thực hiện quản lý chương trình, nội dung giáo dục KNTBV cho trẻ ở bảng số liệu trên cho thấy, CBQL tại các trường MN nghiên cứu đã thực hiện đạt mức trung bình nội dung quản lý này (ĐTB = 2.46). Kết quả này khẳng định, mức độ hiệu quả của nội dung quản lý này là chấp nhận được tuy nhiên chưa thật tốt, chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu về hiệu quả và sự kỳ vọng của nhà trường khi thực hiện nhiệm vụ này.

Trong các tiêu chí xem xét của nội dung quản lý này, “Xây dựng các nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ” là nội dung được đánh giá có kết quả thực hiện cao nhất, tuy nhiên vẫn thuộc

mức khá tốt ($\overline{DTB} = 2.61$); tiêu chí “Xây dựng kế hoạch phát triển nội dung, chương trình giáo dục KNTBV cho trẻ” là nội dung có kết quả thực hiện thấp nhất so với các nội dung còn lại ($\overline{DTB} = 2.30$). Do vậy, chủ thể quản lý cần xem xét để thực hiện hiệu quả hơn khía cạnh này.

3.3. Thực trạng quản lý phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non

Trong quá trình dạy học ở MN cần phải sử dụng nhiều phương pháp và biện pháp dạy học khác nhau, luôn thay đổi để làm cho giờ học luôn sinh động, hấp dẫn và phù hợp với tâm lý của trẻ. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ được thể hiện trong bảng số liệu 3.

Bảng 3. *Quản lý phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non*

TT	Quản lý phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		$\overline{DTB}$	$\overline{DLC}$	$\overline{DTB}$	$\overline{DLC}$
1	Xây dựng kế hoạch sử dụng phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.12	0.53	2.40	0.60
2	Triển khai, chỉ đạo việc sử dụng phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.34	0.71	2.38	0.56
3	Chỉ đạo bồi dưỡng cho GV phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ phù hợp với nội dung, hình thức, khả năng tiếp nhận của trẻ.	1.97	0.54	2.37	0.59
4	Chỉ đạo điều chỉnh phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ theo mục tiêu đề ra.	1.62	0.62	2.35	0.82
5	KT - ĐG việc sử dụng phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.08	0.65	2.40	0.64
6	Hỗ trợ, tư vấn cho GV về phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.19	0.69	2.21	0.57
Chung		2.05	0.62	2.35	0.63

Chú thích: $\overline{DTB}$: Điểm trung bình, $1 \leq \overline{DTB} \leq 4$; $\overline{DLC}$: Độ lệch chuẩn

Qua bảng trên ta thấy, việc quản lý các phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ chưa được các trường thực hiện thường xuyên, $\overline{DTB}$ được CBQL, GV đánh giá mức ít khi thực hiện ($\overline{DTB} = 2.05$). Trong 6 tiêu chí của nội dung quản lý phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ ở trường MN được khảo sát, tiêu chí được CBQL, GV đánh giá sử dụng nhiều nhất là “Triển khai, chỉ đạo việc sử dụng phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ” ($\overline{DTB} = 2.34$), tiếp đó là “Hỗ trợ, tư vấn cho GV về phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ” ($\overline{DTB} = 2.19$).

Nhà trường có xây dựng kế hoạch sử dụng phương pháp giáo dục và chỉ đạo GV triển khai, bồi dưỡng các phương pháp... đồng thời chỉ đạo bồi dưỡng cho GV phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ phù hợp với nội dung, hình thức, khả năng tiếp nhận của trẻ nhưng các nội dung này thực hiện ở mức độ ít khi đến thỉnh thoảng ($\overline{DTB}$ dao động từ 1.62 đến 2.12)... Từ những số liệu này, các trường MN trên địa bàn Thành phố Vũng Tàu cần đặc biệt chú trọng hơn nữa công tác quản lý phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ, giúp GV sử dụng các phương pháp phù hợp nhằm cải tiến chất lượng hiện nay.

Về mức độ hiệu quả, nhìn chung việc quản lý phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ đạt mức khá hiệu quả ($\overline{DTB} = 2.35$). Như vậy, CBQL các trường MN được khảo sát đã quản lý nội dung

này bước đầu đem lại hiệu quả nhưng chưa cao. Mức độ hiệu quả của các tiêu chí xem xét thuộc nội dung quản lý này đều có ĐTB từ 2.21 đến 2.40, mức độ ít hiệu quả đến khá hiệu quả. Trong đó, khía cạnh “Hỗ trợ, tư vấn cho GV về phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ” là tiêu chí thực hiện có kết quả thấp nhất (ĐTB = 2.21).

3.4. Thực trạng quản lý hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non

Kết quả khảo sát được trình bày trong bảng số liệu 2.12 cho thấy: mức độ thực hiện việc quản lý hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ ở các trường MN Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt ở mức ít khi (ĐTB = 2.24). Trong đó được thực hiện nhiều nhất là tiêu chí “Chỉ đạo điều chỉnh hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ phù hợp với điều kiện của nhà trường và trẻ” (ĐTB = 2.36). Tiêu chí ít thực hiện nhất là “Xây dựng kế hoạch sử dụng hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ phù hợp với đặc điểm của nhà trường, đặc điểm của trẻ” (ĐTB = 2.11). Kết quả này có thể cho rằng: GV tiến hành các hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ chưa phù hợp với sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non. Do vậy, GV nên lồng ghép nhiều hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ.

Bảng 4. Quản lý hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non

TT	Quản lý hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch sử dụng hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ phù hợp với đặc điểm của nhà trường, đặc điểm của trẻ.	2.11	0.52	2.38	0.65
2	Triển khai, chỉ đạo việc sử dụng hình thức giáo dục KNTBV phù hợp với nhu cầu của trẻ và điều kiện của nhà trường.	2.25	0.53	2.42	0.61
3	Chỉ đạo điều chỉnh hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ phù hợp với điều kiện của nhà trường và trẻ.	2.36	0.63	2.37	0.64
4	KT - ĐG việc sử dụng hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.25	0.62	2.41	0.74
Chung		2.24	0.53	2.40	0.61

Chú thích: **ĐTB**: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; **ĐLC**: Độ lệch chuẩn

Kết quả thực hiện việc quản lý hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ ở mức ít hiệu quả (ĐTB = 2.40). Trong đó “Triển khai, chỉ đạo việc sử dụng hình thức giáo dục KNTBV phù hợp với nhu cầu của trẻ và điều kiện của nhà trường” và “KT - ĐG việc sử dụng hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ” là 2 tiêu chí được đánh giá có kết quả thực hiện cao nhất, nhưng vẫn thuộc mức ít hiệu quả (ĐTB = 2.42 và 2.41); “Chỉ đạo điều chỉnh hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ phù hợp với điều kiện của nhà trường và trẻ” là tiêu chí được đánh giá có kết quả thực hiện thấp nhất (ĐTB = 2.37). Điều này đòi hỏi đội ngũ CBQL cần có kế hoạch cụ thể, có chuyên môn vững vàng để giúp GV sử dụng các hình thức dạy học hiệu quả. Cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra việc sử dụng hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ ở các trường MN trên địa bàn.

3.5. Thực trạng quản lý các lực lượng tham gia giáo dục KNTBV cho trẻ

Kết quả khảo sát về nội dung quản lý các lực lượng tham gia giáo dục KNTBV cho trẻ ở các trường MN Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu được trong bảng số liệu 5.

Thông qua bảng số liệu 5 có thể nhận định: các trường đã quan tâm, chú trọng đến các lực lượng tham gia giáo dục KNTBV cho trẻ MN với ĐTB đánh giá chung của CBQL, GV là 2.30. Được

đánh giá mức độ thực hiện cao nhất là tiêu chí “Lập kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” (ĐTB = 2.36). Như vậy, để quản lý tốt các lực lượng tham gia vào công tác giáo dục KNTBV cho trẻ, các trường đã chú trọng ngay từ khâu lập kế hoạch. Việc “Triển khai, chỉ đạo việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” được đánh giá mức độ thực hiện có ĐTB = 2.30. Bên cạnh đó, công tác “Chỉ đạo điều chỉnh nhiệm vụ phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” cũng được các nhà trường chú ý với ĐTB = 2.29. Điều đó chứng tỏ rằng nhà trường đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng bộ phận. Trong quá trình thực hiện nhà trường đã chú ý điều chỉnh nhiệm vụ đối với từng bộ phận để công tác quản lý kỹ năng giáo dục trẻ càng ngày càng có hiệu quả hơn. Công tác “KT - ĐG phối kết hợp các lực lượng tham gia giáo dục KNTBV cho trẻ” cũng đã được thực hiện với ĐTB đánh giá là 2.25. Qua số liệu này, các trường cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, đánh giá, có các biện pháp hữu hiệu để các lực lượng trong và ngoài nhà trường đều có ý thức và tích cực trong hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.

Về mức độ hiệu quả, nhìn chung kết quả đạt được của nội dung quản lý các lực lượng tham gia giáo dục KNTBV cho trẻ MN ở mức khá hiệu quả (ĐTB = 2.53). Trong đó “Triển khai, chỉ đạo việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” là tiêu chí đạt được kết quả cao nhất (ĐTB = 2.69) và “Lập kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” là nội dung đạt kết quả thấp nhất (ĐTB = 2.43).

Bảng 5. *Quản lý các lực lượng tham gia giáo dục KNTBV cho trẻ*

TT	Quản lý các lực lượng tham gia giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Lập kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.36	0.43	2.43	0.64
2	Triển khai, chỉ đạo việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.30	0.62	2.69	0.72
3	Chỉ đạo điều chỉnh nhiệm vụ phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.29	0.45	2.57	0.55
4	KT - ĐG việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.25	0.80	2.44	0.70
Chung		2.30	0.55	2.53	0.63

Chú thích: **ĐTB**: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; **ĐLC**: Độ lệch chuẩn

3.6. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ

Khảo sát thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ ở các trường MN Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, kết quả được tổng hợp trong bảng số liệu 6.

Bảng 6. Quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ

TT	Quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.51	0.62	2.61	0.57
2	Triển khai, chỉ đạo việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.43	0.43	2.55	0.46
3	Chỉ đạo bồi dưỡng cho GV, nhân viên sử dụng cơ sở vật, kỹ thuật phục vụ giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.35	0.63	2.49	0.61
4	Huy động nguồn lực xã hội tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.40	0.55	2.58	0.64
5	KT - ĐG việc sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.31	0.72	2.47	0.41
6	Chỉ đạo điều chỉnh việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.48	0.58	2.50	0.76
Chung		2.41	0.54	2.53	0.58

Chú thích: **ĐTB**: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; **ĐLC**: Độ lệch chuẩn

Bảng số liệu 6 cho thấy, các trường MN trên địa bàn nghiên cứu đã thực hiện nội dung quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ đạt ở mức độ khá thường xuyên (ĐTB = 2.41). Trong số 6 tiêu chí xem xét thuộc nội dung quản lý này, ĐTB đánh giá của CBQL, GV không có sự chênh lệch lớn (dao động từ 2.31 đến 2.51). Tiêu chí “Xây dựng kế hoạch đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” có mức độ thực hiện thường xuyên nhất (ĐTB = 2.51). Tiếp đến là các tiêu chí “Chỉ đạo điều chỉnh việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” (ĐTB = 2.48); “Triển khai, chỉ đạo việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” (ĐTB = 2.43);...

Kết quả đạt được của việc quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ ở mức khá hiệu quả (ĐTB = 2.53). Trong đó “Xây dựng kế hoạch đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” là tiêu chí quản lý đạt được kết quả cao nhất (ĐTB = 2.61); “KT - ĐG việc sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” là tiêu chí được đánh giá có kết quả thực hiện thấp nhất trong số các tiêu chí thuộc nội dung quản lý này (ĐTB = 2.47). Để làm tốt mặt công tác này người quản lý phải nắm vững những nội dung cơ bản của quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, xây dựng và bổ sung thường xuyên để hình thành một hệ thống hoàn chỉnh cơ sở vật chất. Duy trì, bảo quản cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của từng nhóm lớp và của toàn trường theo một cơ chế quản lý khoa học để đem lại hiệu quả.

3.7. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ

Kiểm tra là chức năng cơ bản và quan trọng của quản lý. Lê - nin đã khẳng định: “Quản lý mà

không có kiểm tra thì không phải là quản lý”. Hoạt động KT - ĐG phải căn cứ vào các mục tiêu trong kế hoạch giáo dục KNTBV cho trẻ đã xây dựng. Dựa vào kết quả kiểm tra để đánh giá từng khâu cho đến toàn bộ hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ trong nhà trường mầm non, kịp thời phát hiện những điểm sai lệch cần điều chỉnh để có biện pháp phù hợp, nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

Bảng 7. *Quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ*

TT	Quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.16	0.61	2.58	0.56
2	Xác định rõ mục đích KT - ĐG hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.24	0.52	2.61	0.63
3	Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ cụ thể, rõ ràng.	2.29	0.62	2.60	0.72
4	Chuẩn bị lực lượng KT - ĐG hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.13	0.50	2.54	0.64
5	Chuẩn bị kế hoạch KT - ĐG hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ.	2.15	0.46	2.59	0.52
6	Đánh giá rút kinh nghiệm, thực hiện các điều chỉnh kịp thời sau đánh giá.	2.22	0.53	2.43	0.70
Chung		2.20	0.54	2.56	0.63

Chú thích: **ĐTB**: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; **ĐLC**: Độ lệch chuẩn

Phân tích số liệu được tổng hợp tại bảng 7 cho thấy, thực trạng quản lý công tác KT - ĐG hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ MN được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện chung đạt mức thành thạo (ĐTB = 2.20). Xem xét các tiêu chí cụ thể, ĐTB mức độ thực hiện chênh lệch không nhiều, dao động từ 2.13 đến 2.19.

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng, các trường đã có các biện pháp quản lý phù hợp và bước đầu đã đạt được hiệu quả nhất định khi thực hiện nội dung quản lý này. Tuy nhiên, mức độ thực hiện nội dung quản lý này chỉ đạt mức độ khá, chưa có sự đồng đều về mức độ thực hiện giữa 6 khía cạnh xem xét của nội dung quản lý này. Bên cạnh 2 khía cạnh xem xét có mức độ thực hiện tốt nhất, trong 6 khía cạnh xem xét của nội dung quản lý này, đó là “Xác định rõ mục đích KT - ĐG hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” (ĐTB = 2.61) và “Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ cụ thể, rõ ràng” (ĐTB = 2.60) thì cần phải chú ý thêm và có các biện pháp quản lý tốt hơn đối với các khía cạnh như: “Đánh giá rút kinh nghiệm, thực hiện các điều chỉnh kịp thời sau đánh giá” (ĐTB = 2.43); “Chuẩn bị lực lượng KT - ĐG hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ” (ĐTB = 2.54).

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ ở các trường MN thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho thấy, các trường MN chú trọng giáo dục KNTBV cho trẻ nhằm trang bị cho trẻ những kỹ năng bảo vệ bản thân trước những mối nguy hại trong cuộc sống. CBQL nhà trường đã quan tâm chỉ đạo; GV đã nỗ lực thực hiện; trẻ có sự tích cực trong nhận thức và hành động của bản thân để tự bảo vệ mình trước những nguy hại. Tuy nhiên,

vẫn còn một số tồn tại như: Việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và các hình thức giáo dục KNTBV cho trẻ chưa phù hợp; Việc xây dựng kế hoạch hoạt động chưa được thực hiện thường xuyên; công tác tổ chức, chỉ đạo triển khai trong nhà trường còn lúng túng, thiếu sự khoa học; hay kiểm tra, đánh giá hoạt động vẫn chưa thúc đẩy được tất cả mọi người tham gia, các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra hoạt động vẫn thiếu sự cập nhật, bổ sung thường xuyên những nội dung mới; GV chưa được tập huấn về nội dung, phương pháp giáo dục KNTBV cho trẻ, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu thực hành KNTBV cho trẻ. Do đó một trong những nhiệm vụ cấp thiết là cần phải nghiên cứu các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ ở các trường MN để nâng cao hiệu quả hoạt động này, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chung của nhà trường, ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Công văn 463/BGDĐT-GDTrE, về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên*. Hà Nội.
- [2] Huyền Linh (2011). *Cẩm nang tự vệ an toàn ra ngoài*, NXB Thanh Niên
- [3] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật giáo dục*. Hà Nội.
- [4] UNICEF (2009). *Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam - đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin.

Title: THE MANAGEMENT OF EDUCATING SELF-PROTECTION SKILLS FOR CHILDREN IN KINDERGARTENS IN VUNG TAU CITY, BA RIA - VUNG TAU PROVINCE

Abstract: One of the decisive factors to educating self-protection skills for children effectively is the management of self-protection skills education for children. Therefore, one of the urgent tasks is to investigate management measures to improve the efficiency of this activity, contribute to the excellent performance of the school's mission, and improve the quality of education. This article presents the management of self-protection skills education for kindergarten children in Vung Tau city of Ba Ria - Vung Tau province. The results show that educating children on self-protection skills was carried out well and achieved positive results. However, there were still many limitations and inadequacies. Kindergartens in the area used many management measures to improve the efficiency of this activity, but the effect has not been achieved as expected.

Keywords: Educational activities, management of educational activities, self-defense skills, preschool children.